

BẢNG NIÊM YẾT GIÁ VẬT TƯ, HÓA CHẤT NĂM 2026

Áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2026

Tổng số: 192 mặt hàng; gồm 141 vật tư và 51 hóa chất.

STT	Nhóm hàng	Tên vật tư, hóa chất	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Ghi chú
1	Vật tư thanh toán	Bơm Tiêm Vô Trùng Sử Dụng Một Lần 10 Ml/cc (QĐ92)	Cái	1.100	
2	Vật tư thanh toán	Bơm Tiêm Sử Dụng Một Lần Vihankok (10ml) QĐ155	Cái	1.080	
3	Vật tư thanh toán	Bơm tiêm sử dụng một lần Vihankok (10ml) QĐ693	Cái	860	
4	Vật tư thanh toán	Bơm Tiêm Vô Trùng Sử Dụng Một Lần 20 Ml/cc (QĐ92)	Cái	2.200	
5	Vật tư thanh toán	Bơm Tiêm Sử Dụng Một Lần Vihankok (1ml) QĐ155	Cái	680	
6	Vật tư thanh toán	Bơm Tiêm Sử Dụng Một Lần 1ml/cc (QĐ31)	Cái	790	
7	Vật tư thanh toán	Bơm tiêm 50ml (QĐ23)	Cái	4.400	
8	Vật tư thanh toán	Bơm Tiêm Sử Dụng Một Lần Vihankok (5 Ml) QĐ155	Cái	720	
9	Vật tư thanh toán	Bơm tiêm sử dụng một lần Vihankok 5ml (QĐ 693)	Cái	600	
10	Vật tư thanh toán	Dây truyền dịch (693)	Bộ	5.300	
11	Vật tư thanh toán	Dây Thở Oxy 2 Nhánh Người Lớn (QĐ155)	Cái	5.200	
12	Vật tư thanh toán	Dây Thở Oxy 2 Nhánh Trẻ Em, Trẻ Sơ Sinh (QĐ155)	Bộ	6.000	
13	Vật tư thanh toán	Dây Truyền Máu (QĐ155)	Bộ	7.500	
14	Vật tư thanh toán	Kim luồn tĩnh mạch G20, G24 (QĐ 693)	Cái	2.900	
15	Vật tư thanh toán	Kim tiêm nhựa số 18 (QĐ31)	Cái	461	
16	Vật tư thanh toán	Kim Lẩy Thuốc Tanaphar (Kim Tiêm Số 18) QĐ19	Cái	461	
17	Vật tư thanh toán	Kim Tiêm Nhựa Số 18 (QĐ155)	Cái	310	
18	Vật tư thanh toán	Kim tiêm Tanaphar (Kim tiêm nhựa số 18) QĐ693	Cái	260	
19	Vật tư thanh toán	Ống Thông Nội Khí Quản Có Bóng Các Số (QĐ31)	Cái	16.000	
20	Vật tư thanh toán	Ống đặt nội khí quản có bóng các số (QĐ23)	Bộ	11.130	
21	Vật tư thanh toán	Ống Thông Tiểu 2 Nhánh (Foley) Số 14 (QĐ155)	Cái	10.200	
22	Vật tư thanh toán	Ống Thông Tiểu 2 Nhánh (Sonde Foley) QĐ31	Cái	12.600	
23	Vật tư thanh toán	Ống Thông Tiểu 1 Nhánh Số 14 (QĐ31)	Cái	10.800	
24	Vật tư thanh toán	Túi đựng nước tiểu (QĐ31)	Cái	6.400	
25	Vật tư không thanh toán	Băng cuộn 7cm x 2,5m (QĐ31)	Cuộn	1.500	
26	Vật tư không thanh toán	Băng Cuộn 7cmx2.5m (QĐ155)	Cuộn	1.240	
27	Vật tư không thanh toán	Băng cuộn vải y tế 7cm x 2.5m (693)	Cuộn	970	
28	Vật tư không thanh toán	Băng keo dán sườn (693)	Cuộn	81.200	
29	Vật tư không thanh toán	Băng keo vải lụa 2,5cm x 5m (693)	Cuộn	6.300	
30	Vật tư không thanh toán	Băng thun 3 móc (693)	Cuộn	16.905	
31	Vật tư không thanh toán	Băng dính cuộn vải lụa y tế UGOTANA (QĐ31)	Cuộn	20.500	
32	Vật tư không thanh toán	Băng Dính Cuộn Vải Lụa Y Tế (2,5cm X 5m) QĐ155	Cuộn	13.400	

STT	Nhóm hàng	Tên vật tư, hóa chất	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Ghi chú
33	Vật tư không thanh toán	Băng Thun 3 Móc (QĐ155)	Cuộn	16.780	
34	Vật tư không thanh toán	Băng Thun 3 Móc (QĐ31)	Cuộn	18.500	
35	Vật tư không thanh toán	Băng bột bó 15cm x 4,6m (693)	Cuộn	26.600	
36	Vật tư không thanh toán	Băng Bột Bó (QĐ155)	Cuộn	28.800	
37	Vật tư không thanh toán	Băng keo nhiệt 3M (Băng chỉ thị tiếp xúc cho gói dụng cụ tiết khuẩn bằng hơi nước 1331-12mm khô nhỏ 12mmx55m) (QĐ263)	Cuộn	130.000	
38	Vật tư không thanh toán	Bộ giác hơi không dùng lửa (QĐ263)	Bộ	550.000	
39	Vật tư không thanh toán	Bì đựng rác thải Y tế (màu vàng) 10 lít (QĐ 693)	Kg	69.750	
40	Vật tư không thanh toán	Bì đựng rác thải Y tế (màu vàng) 75 lít (QĐ 693)	Kg	69.750	
41	Vật tư không thanh toán	Bì đựng rác thải Y tế (màu vàng) 20 lít (QĐ 693)	Kg	69.750	
42	Vật tư không thanh toán	Bì đựng rác thải Y tế (màu xanh) 10 lít (QĐ693)	Kg	69.750	
43	Vật tư không thanh toán	Bì đựng rác thải Y tế (màu xanh) 20 lít (QĐ693)	Kg	69.750	
44	Vật tư không thanh toán	Bì đựng rác thải Y tế (màu xanh) 75 lít (693)	Kg	69.750	
45	Vật tư không thanh toán	Bì đựng rác thải Y tế (màu xanh) 120 lít (QĐ 693)	Kg	69.750	
46	Vật tư không thanh toán	Bì Đựng Rác (Màu Đen Loại 5kg Có Quai) QĐ155	Kg	74.000	
47	Vật tư không thanh toán	Bì Đựng Rác (Màu Vàng Loại 5kg Có Quai) QĐ155	Kg	74.000	
48	Vật tư không thanh toán	Màng PE (Bì đựng thuốc 0.5kg) (1024)	Kg	48.000	
49	Vật tư không thanh toán	Bông Y Tế Quick Nurse 25gr (QĐ31)	Gói	5.500	
50	Vật tư không thanh toán	Bông y tế Quick Nurse 100gr (QĐ31)	Gói	20.900	
51	Vật tư không thanh toán	Bông Y Tế Hút Nước 100 Gam (QĐ155)	Gói	16.450	
52	Vật tư không thanh toán	Bông y tế thấm nước 100g (693)	Gói	15.750	
53	Vật tư không thanh toán	Bông y tế Quick Nurse 1 kg (QĐ263)	Kg	180.000	
54	Vật tư không thanh toán	Cân đồng hồ lò xo 100kg (QĐ263)	Cái	1.750.000	
55	Vật tư không thanh toán	Cân sức khỏe Nhơn Hòa (1024)	Cái	450.000	
56	Vật tư không thanh toán	Chỉ Silk 2/0 Dài 75cm. Kim Tam Giác 3/8C 24mm (QĐ155)	Sợi	30.000	
57	Vật tư không thanh toán	Chỉ Silk 2/0 Dài 75cm, Kim Tam Giác 3/8C 24mm (QĐ31)	Sợi	15.933	
58	Vật tư không thanh toán	Chỉ Silk 2/0 Dài 75cm, Kim Tam Giác 3/8C 26mm (QĐ31)	Sợi	17.550	
59	Vật tư không thanh toán	Chỉ Silk 2/0 Dài 75cm, Kim Tròn 1/2C 26mm (QĐ31)	Sợi	13.400	
60	Vật tư không thanh toán	Chỉ Silk 3/0 Dài 75cm. Kim Tam Giác 3/8C 18mm (QĐ155)	Sợi	16.000	
61	Vật tư không thanh toán	Chỉ Silk 4/0 Dài 75cm. Kim Tam Giác 3/8C 18mm (QĐ155)	Sợi	26.000	
62	Vật tư không thanh toán	Chỉ Trustigut (C) (Chromic Catgut) số 3/0, kim tròn, dài 26 mm, C25A26	Sợi	35.000	
63	Vật tư không thanh toán	Catgut Chrom USP 2/0 (QĐ155)	Sợi	30.000	
64	Vật tư không thanh toán	Catgut Chrom USP 3/0 (QĐ155)	Sợi	32.000	
65	Vật tư không thanh toán	Chỉ PolyPropylen 2/0 Liên Kim (QĐ155)	Sợi	75.000	
66	Vật tư không thanh toán	Chỉ Trustilene (Polypropylene) Số 2/0 (QĐ31)	Sợi	89.000	
67	Vật tư không thanh toán	Chỉ Nylon 3/0 liên kim (QĐ23)	Tép	17.100	
68	Vật tư không thanh toán	Chỉ Nylon 4/0 liên kim (QĐ23)	Tép	16.000	
69	Vật tư không thanh toán	Chỉ Nylon 5/0 liên kim (QĐ23)	Tép	16.000	
70	Vật tư không thanh toán	Chỉ Vicryl Số 0 (QĐ155)	Sợi	52.000	
71	Vật tư không thanh toán	Cốc Đựng Đờm (QĐ245)	Cái	2.500	

STT	Nhóm hàng	Tên vật tư, hóa chất	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Ghi chú
72	Vật tư không thanh toán	Đai Desault các số 3 (P) (QĐ23)	Cái	120.000	
73	Vật tư không thanh toán	Đai Desault các số 3 (T) (QĐ23)	Cái	120.000	
74	Vật tư không thanh toán	Đai Desault các số 4 (T) (QĐ23)	Cái	120.000	
75	Vật tư không thanh toán	Đai Desault các số 4 (P) (QĐ23)	Cái	120.000	
76	Vật tư không thanh toán	Đai Desault 2 P	Cái	63.000	
77	Vật tư không thanh toán	Đai số 8 (cổ định gãy xương đòn)	Cái	26.250	
78	Vật tư không thanh toán	Đai xương đòn các số	Cái	22.500	
79	Vật tư không thanh toán	Đai xương đòn các số	Cái	23.000	
80	Vật tư không thanh toán	Dây Garo (QĐ155)	Cái	2.800	
81	Vật tư không thanh toán	Dây hút dịch ECO sử dụng một lần (Ống hút nhót người lớn có khóa, số 16) QĐ693	Cái	2.604	
82	Vật tư không thanh toán	Dây hút dịch ECO sử dụng một lần (Ống hút nhót trẻ em có khóa, số 8) QĐ693	Cái	2.604	
83	Vật tư không thanh toán	Dây Hút Nhót Có Khóa Số 16 (Ống Hút Nhót Người Lớn) QĐ31	Cái	2.400	
84	Vật tư không thanh toán	Dây cho ăn có nắp (số 14) (QĐ693)	Cái	3.175	
85	Vật tư không thanh toán	Dây Cho Ăn Có Nắp (Ống Thông Dạ Dày Số 14) QĐ155	Cái	4.500	
86	Vật tư không thanh toán	Gạc phẫu thuật ổ bụng 30 x 40cm x 6 lớp tiệt trùng (693)	Miếng	5.954	
87	Vật tư không thanh toán	Gạc merche dẫn lưu 3,5 x 75cm x 8 lớp (693)	Miếng	2.205	
88	Vật tư không thanh toán	Găng tay phẫu thuật (GPT)(QĐ 281)	Đôi	6.500	
89	Vật tư không thanh toán	Kim Châm Cứu Các Số (QĐ155)	Cái	350	
90	Vật tư không thanh toán	Găng tay phẫu thuật không tiệt trùng (Size 6,5)	Đôi	2.450	
91	Vật tư không thanh toán	Găng tay cao su y tế có bột (QĐ31)	Đôi	1.800	
92	Vật tư không thanh toán	Găng Tay Cao Su Y Tế Có Bột Hiệu Sri Trang (QĐ19)	Đôi	1.800	
93	Vật tư không thanh toán	Găng Tay Không Tiệt Trùng Các Số (QĐ155)	Đôi	1.440	
94	Vật tư không thanh toán	Găng tay khám Latex có bột hiệu (693)	Đôi	1.100	
95	Vật tư không thanh toán	Găng tay phẫu thuật có bột tiệt trùng hiệu GPT (693)	Đôi	3.150	
96	Vật tư không thanh toán	Găng Tay Phẫu Thuật Tiệt Trùng Các Số (QĐ155)	Đôi	4.800	
97	Vật tư không thanh toán	Giấy đo điện tim 6 cân (693)	Xấp	38.000	
98	Vật tư không thanh toán	Giấy in nhiệt 57mm x 20m (QĐ 693)	Cuộn	10.200	
99	Vật tư không thanh toán	Giấy in nhiệt K80x45 (QĐ693)	Cuộn	12.500	
100	Vật tư không thanh toán	Giấy in siêu âm UPP-110S (Kích thước: 110mm x 20m) QĐ693	Cuộn	80.000	
101	Vật tư không thanh toán	Giấy monitor sản khoa Toitu 0030-026 (Kích thước: 152mm x 150mm x 200 tờ) QĐ693	Cuộn	48.000	
102	Vật tư không thanh toán	Giấy nhiệt K110-3 (ĐT 6 cân) QĐ263	Cuộn	58.000	
103	Vật tư không thanh toán	Hộp an toàn (693)	Cái	13.600	
104	Vật tư không thanh toán	Huyết áp người lớn + kiểm định (QĐ693)	Bộ	472.000	
105	Vật tư không thanh toán	Huyết Áp Người Lớn (QĐ155)	Bộ	580.000	
106	Vật tư không thanh toán	Huyết Áp Trẻ Em (QĐ155)	Bộ	580.000	
107	Vật tư không thanh toán	KHẨU TRANG Y TẾ TS (4 lớp) QĐ693	Cái	400	
108	Vật tư không thanh toán	Kim chọc dò tủy sống các số (QĐ23)	Cái	21.000	

STT	Nhóm hàng	Tên vật tư, hóa chất	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Ghi chú
109	Vật tư không thanh toán	Kim Châm Cứu Vô Trùng Dùng Một Lần (QĐ31)	Cái	520	
110	Vật tư không thanh toán	Kim chọc dò tủy sống (QĐ693)	Cái	20.000	
111	Vật tư không thanh toán	Kẹp rốn trẻ sơ sinh (QĐ 693)	Cái	1.100	
112	Vật tư không thanh toán	Kẹp Rốn Tiệt Trùng (QĐ245)	Cái	2.080	
113	Vật tư không thanh toán	Lưỡi Dao Mổ Các Số (QĐ155)	Cái	1.000	
114	Vật tư không thanh toán	Lưỡi Dao Mổ Các Số (QĐ31)	Cái	1.200	
115	Vật tư không thanh toán	Khối Hồng Cầu Từ 250ml Máu Toàn Phần (Nhóm Máu O)	Túi	678.000	
116	Vật tư không thanh toán	Khối Hồng Cầu Từ 250ml Máu Toàn Phần(Nhóm Máu A)	Túi	644.000	
117	Vật tư không thanh toán	Máu toàn phần 250ml(Nhóm máu B)	Túi	857.000	
118	Vật tư không thanh toán	Màng PE (Bì đựng thuốc 0,5kg) QĐ263	Kg	70.000	
119	Vật tư không thanh toán	Máy massage (QĐ263)	Cái	650.000	
120	Vật tư không thanh toán	Nẹp chống xoay ngấn (QĐ208)	Cái	118.500	
121	Vật tư không thanh toán	Nẹp cổ mền số 7	Cái	36.750	
122	Vật tư không thanh toán	Nẹp cổ mền số 8	Cái	36.750	
123	Vật tư không thanh toán	Nẹp lưng thấp (Đại cột sống TL) số 9	Cái	84.000	
124	Vật tư không thanh toán	Nẹp ngón tay	Cái	27.500	
125	Vật tư không thanh toán	Nẹp Vải căng bàn chân Size 1->5	Cái	385.000	
126	Vật tư không thanh toán	Nẹp Vải căng tay	Cái	49.500	
127	Vật tư không thanh toán	Nẹp vải căng tay	Cái	28.875	
128	Vật tư không thanh toán	Nón nam, nữ vô trùng (QĐ23)	Cái	930	
129	Vật tư không thanh toán	Nón Nam, Nữ Vô Trùng (QĐ31)	Cái	1.471	
130	Vật tư không thanh toán	Nhiệt kế thủy ngân (QĐ 693)	Cái	24.000	
131	Vật tư không thanh toán	Ống nghiệm nhựa 5ml có nắp (693)	Cái	495	
132	Vật tư không thanh toán	Ống nghiệm EDTA K2 VMA 2ml (QĐ 693)	Cái	580	
133	Vật tư không thanh toán	Ống nghiệm Heparin VMA 2ml (QĐ693)	Cái	740	
134	Vật tư không thanh toán	Ống Hút Nhót Trẻ Em Có Nắp (QĐ155)	Cái	2.100	
135	Vật tư không thanh toán	Phim X-quang kỹ thuật số 20x25cm (QĐ 693)	Tờ	10.500	
136	Vật tư không thanh toán	Phim X-quang kỹ thuật số 25x30cm (QĐ 693)	Tờ	13.850	
137	Vật tư không thanh toán	Que đê lưỡi gỗ Tanaphar (QĐ693)	Cái	280	
138	Vật tư không thanh toán	REACTIONS ROTOR (QĐ612)	Hộp	2.650.000	
139	Vật tư không thanh toán	Típ đầu col xét nghiệm (Đầu col xanh) QĐ693	Cái	110	
140	Vật tư không thanh toán	Túi Đựng Máu Đơn (QĐ31)	Cái	45.000	
141	Vật tư không thanh toán	Than hoạt dạng hạt	Gram	18.750	
142	Hóa chất	Anti A (QĐ05)	Lọ	86.100	
143	Hóa chất	Anti B (QĐ05)	Lọ	86.100	
144	Hóa chất	Anti D (IgG+IgM) 1x10ml (1024)	Lọ	165.000	
145	Hóa chất	CALCIUM-ARSENazo III (KQ 2025)	Hộp	1.150.000	
146	Hóa chất	CALIBRATOR FOR AUTOANALYZERS (KQ 2025)	Hộp	950.000	
147	Hóa chất	CHOLESTEROL LIQUID (KQ 2025)	Hộp	1.622.500	
148	Hóa chất	CHOLESTEROL LIQUID (QĐ05)	Hộp	1.622.500	

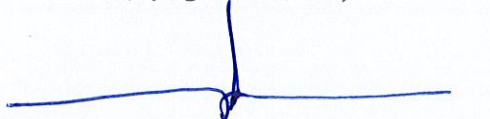
STT	Nhóm hàng	Tên vật tư, hóa chất	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Ghi chú
149	Hóa chất	COMBINA 13 (2025)	Test	13.000	
150	Hóa chất	CREATININE (KQ 2025)	Hộp	825.000	
151	Hóa chất	D Check D 2.5L (1024)	Lọ	1.500.000	
152	Hóa chất	D Check D 2.5N (1024)	Lọ	1.500.000	
153	Hóa chất	D-Check D 2.5H (1024)	Lọ	1.500.000	
154	Hóa chất	Dengue Antibody Test ((IgM/IgG) QĐ05	Test	35.000	
155	Hóa chất	Dengue NS1Ag Rapid Test (QĐ05)	Test	36.400	
156	Hóa chất	Dung Dịch Sát Khuẩn Tay (TH.A HANDRUB) QĐ05	Chai	90.000	
157	Hóa chất	Định tính phát hiện kháng nguyên Dengue trong huyết tương hoặc huyết thanh (Onsite Dengue Ag Rapid Test) QĐ263	Test	44.000	
158	Hóa chất	Gamma-GT LIQUID (KQ 2025)	Hộp	2.271.088	
159	Hóa chất	GLUCOSE LIQUID (KQ 2025)	Hộp	1.050.000	
160	Hóa chất	GLUCOSE LIQUID (QĐ05)	Hộp	1.050.000	
161	Hóa chất	GOT/AST UV LIQUID (KQ 2025)	Hộp	1.870.000	
162	Hóa chất	GPT/ALT UV LIQUID (KQ 2025)	Hộp	1.870.000	
163	Hóa chất	Gel Siêu Âm Eurosonic (QĐ05)	Can	129.350	
164	Hóa chất	HCG Test (Test Thử Thai) QĐ05	Test	4.500	
165	Hóa chất	Hepatitis A Virus Rapid Test (Test HAV) QĐ05	Test	28.000	
166	Hóa chất	Giêm Sa (QĐ05)	Chai	1.550.000	
167	Hóa chất	HBsAg test (QĐ263)	Test	8.500	
168	Hóa chất	Lyse-MEK3 (QĐ05)	Can	1.452.150	
169	Hóa chất	MEK Diluent (QĐ263)	Thùng	1.450.000	
170	Hóa chất	Microshield 2% 500ml (THA 2) QĐ301	Chai	119.400	
171	Hóa chất	Microshield 2% 500ml (THA 2) QĐ05	Chai	90.000	
172	Hóa chất	One Step Dengue IgG/IgM Whole Blood/Serum/Plasma Test (2025)	Test	24.675	
173	Hóa chất	Presept (2025)	Viên	5.000	
174	Hóa chất	HBsAg Test (1024)	Test	7.000	
175	Hóa chất	SERISCANN® ABNORMAL (QĐ 2025)	Hộp	957.688	
176	Hóa chất	SERISCANN® NORMAL (QĐ 2025)	Hộp	825.000	
177	Hóa chất	Test HCV (Rapid Anti-HCV Test) QĐ05	Test	8.505	
178	Hóa chất	Rapid Anti-HCV Test (KQ2025)	Test	7.245	
179	Hóa chất	Rapid Anti-HIV Test (KQ 2025)	Test	10.920	
180	Hóa chất	THA HANDRUB (2025)	Chai	80.000	
181	Hóa chất	Test Thử Nhanh Phát Hiện Định Tính 5 Chất Gây Nghiện, Dạng Panel (MOP/COD/AMP/THC/HER) KQ2025	Test	33.978	
182	Hóa chất	TB ZIEHL-NEELSEN TENSIOACTIVE KIT (Bộ Nhuộm Đàm) QĐ05	Bộ	2.450.000	
183	Hóa chất	TRIGLYCERIDES LIQUID (KQ 2025)	Hộp	3.611.850	
184	Hóa chất	Zybio Diluent (KQ 2025)	Can	2.250.000	
185	Hóa chất	Zybio Lyse (2025)	Lọ	2.150.000	
186	Hóa chất	Zybio Probe Cleanser (2025)	Hộp	1.050.000	

GIA LA

STT	Nhóm hàng	Tên vật tư, hóa chất	Đơn vị tính	Đơn giá (đồng)	Ghi chú
187	Hóa chất	Urinalysis Control - Level 1 (Urinal Control 1) (Nội kiểm tổng phân tích nước tiểu mức 1) (KQ 2025)	Hộp	4.670.000	
188	Hóa chất	Urinalysis Control - Level 2 (Urinal Control 2) (Nội kiểm tổng phân tích nước tiểu mức 2) (KQ 2025)	Hộp	4.670.000	
189	Hóa chất	UREA UV LIQUID (KQ 2025)	Hộp	1.532.300	
190	Hóa chất	Wash Solution (KQ 2025)	Hộp	2.000.000	
191	Hóa chất	WASHING SOLUTION (KQ 2025)	Hộp	3.000.000	
192	Hóa chất	URIC ACID LIQUID (KQ 2025)	Hộp	1.860.650	

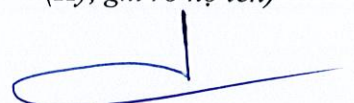
NGƯỜI LẬP BẢNG

(Ký, ghi rõ họ tên)


Phan Chi Vinh

TRƯỞNG KHOA

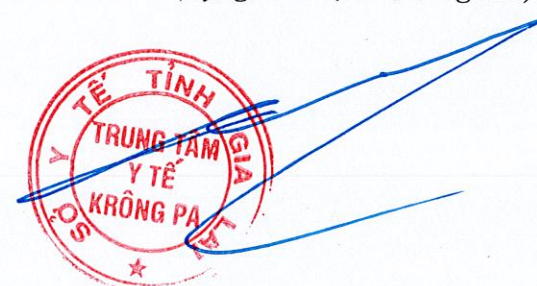
(Ký, ghi rõ họ tên)


DSCI. Nay Vang

Phủ Túc, ngày 05 tháng 01 năm 2026

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Trương Thanh Liêm